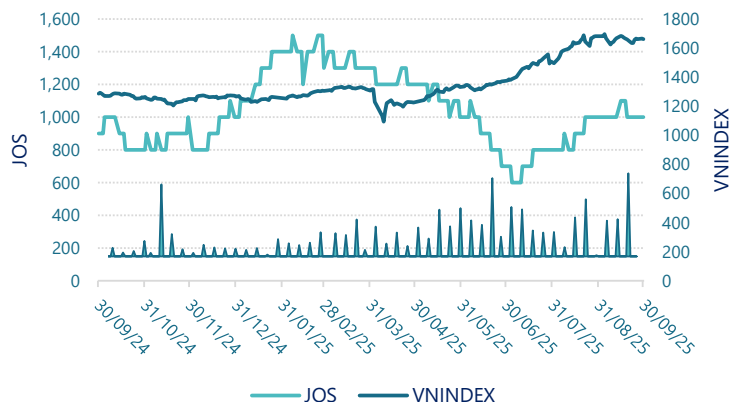


CTCP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải (UPCOM: JOS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	600
SL cổ phiếu LH	15,043,161
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,780
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
P/E	-0.6
EPS	-1,674

DT thuần

Q3/25

19.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.90 | 18.2%

YoY: ▲ 10.8 | 132%

LN sau thuế

Q3/25

0.53

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.1 | 105%

YoY: ▲ 1.41 | 160%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.8%

+/- YoY: ▲ 13.5%

DT thuần

9T 2025

41.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0 | 62.0%

LN sau thuế

9T 2025

-11.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.4 | 54.6%

ROE

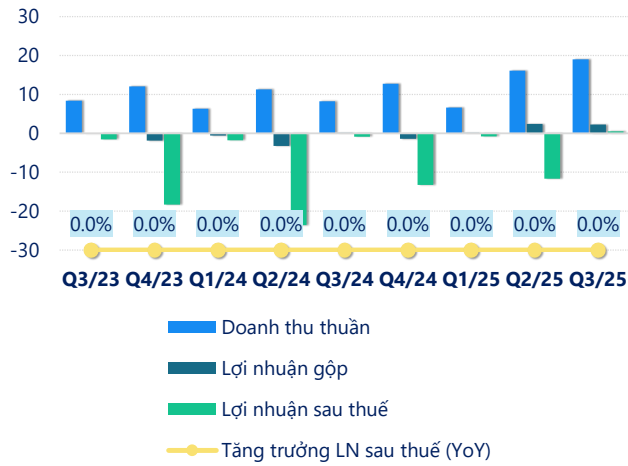
Q3/25

8.0%

+/- YoY: ▼ 6.9%

tỷ VNĐ

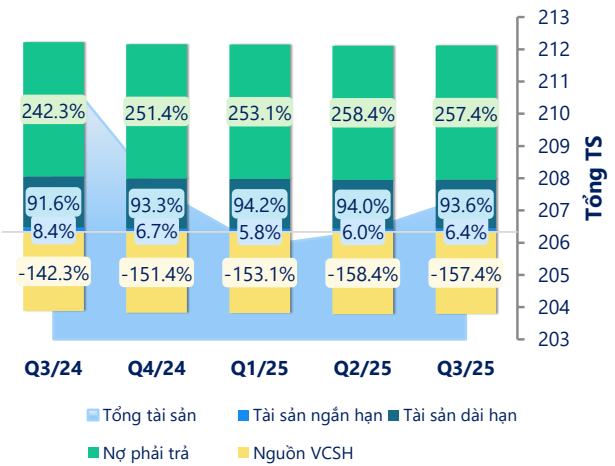
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

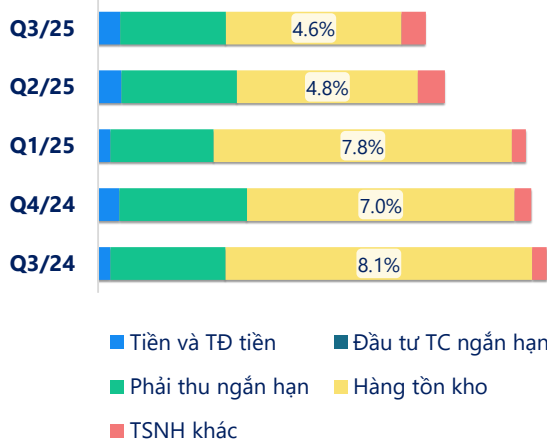
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



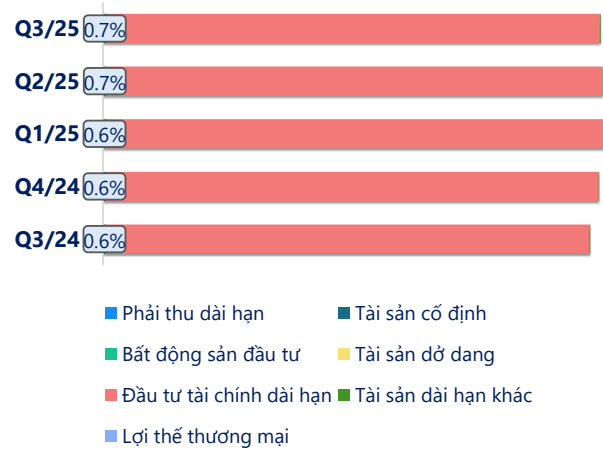
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

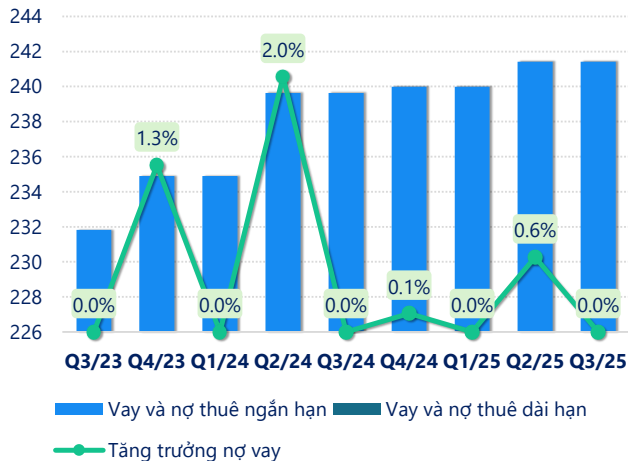
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

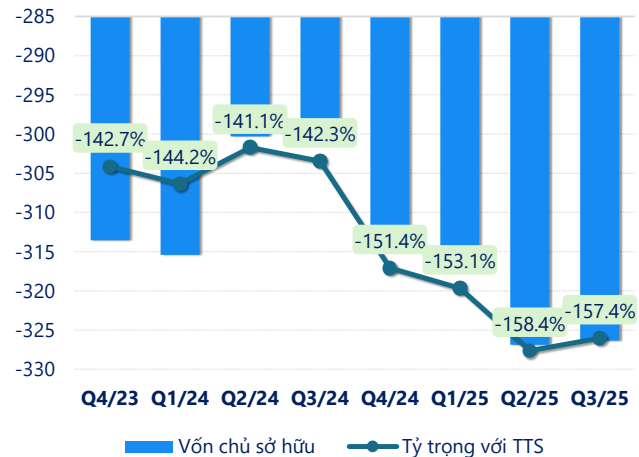
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

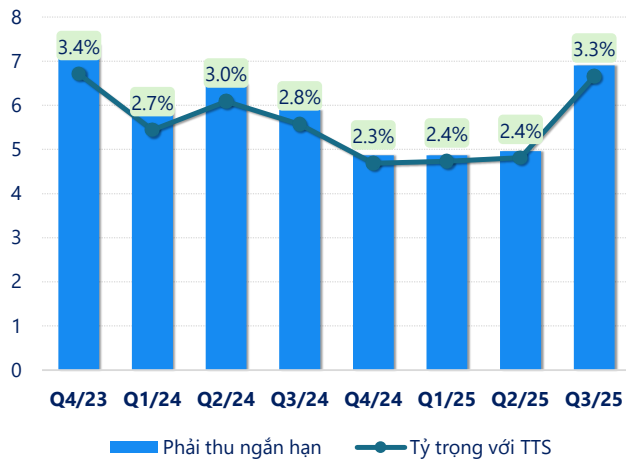
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



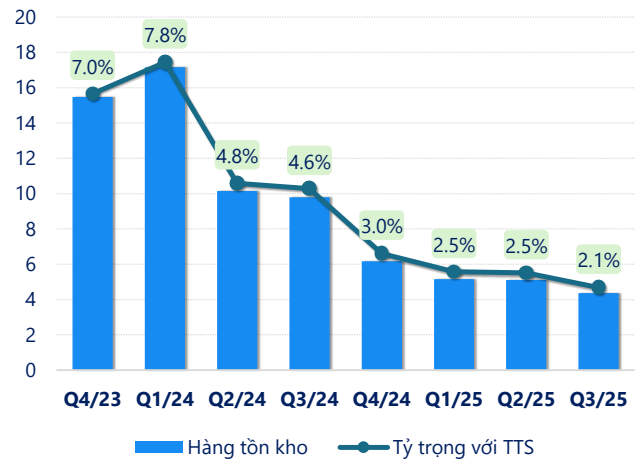
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


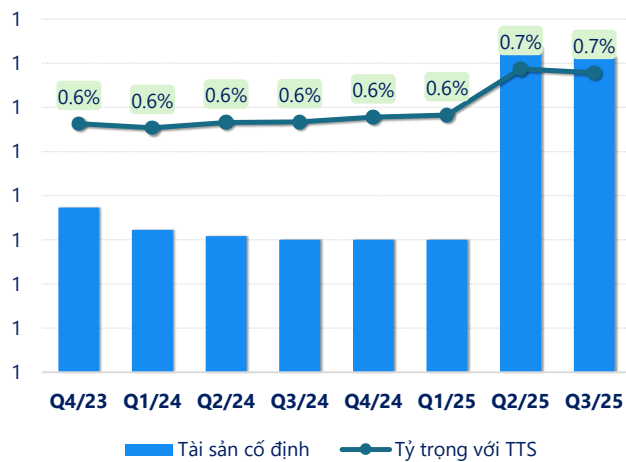
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


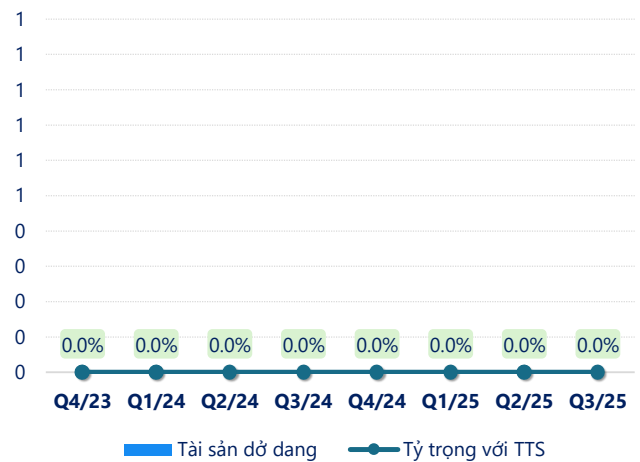
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

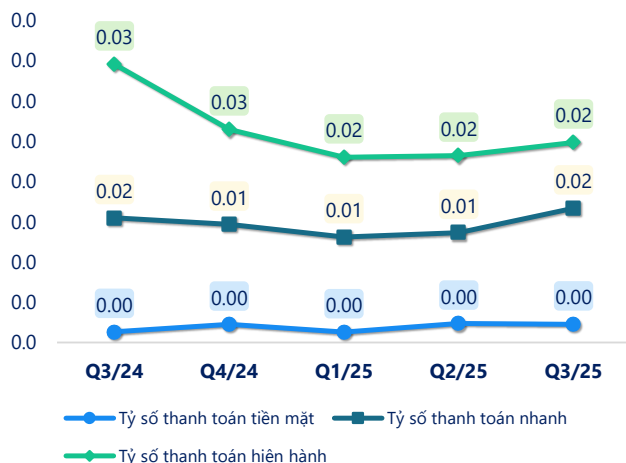
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	212	208	206	206	207
Tài sản ngắn hạn	17.7	13.8	12.0	12.4	13.3
Tiền và tương đương tiền	0.69	1.17	0.67	1.26	1.21
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	5.89	4.87	4.87	4.96	6.90
Hàng tồn kho	9.78	6.17	5.16	5.11	4.37
Tài sản ngắn hạn khác	1.35	1.62	1.28	1.05	0.79
Tài sản dài hạn	194	194	194	194	194
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1.20	1.20	1.20	1.42	1.41
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	192	192	192	192	192
Tài sản dài hạn khác	0.26	0.22	0.25	0.09	0.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	513	522	521	533	534
Nợ ngắn hạn	513	522	521	533	534
Vay và nợ thuê ngắn hạn	240	240	240	241	241
Phải trả người bán ngắn hạn	50.1	48.3	42.4	37.7	35.3
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-301	-314	-315	-327	-326
Vốn chủ sở hữu	-301	-314	-315	-327	-326
Vốn điều lệ	153	153	153	153	153
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)